

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS -ST
Ngày: 06/6/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Tân
2. Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 83/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V
Địa chỉ: Số 02 L, phường T, B, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Lê Anh T - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện C (Văn bản ủy quyền số 510 ngày 19/6/2014).

Ông Lê Anh T ủy quyền lại cho ông Trần Minh T - Giám đốc phòng giao dịch khu công nghiệp S - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh huyện C (Văn bản ủy quyền số 438 ngày 19/11/2018); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V – ông Trần Minh Ttrình bày: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Khu công nghiệp S, chi nhánh huyện C với ông Nguyễn Văn H có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD ngày 12/9/2006 để vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng; ngày đến hạn là ngày 12/9/2009; lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 1.25 %/tháng (15%/năm), lãi suất hiện tại là 9,5%/năm; mục đích vay: mua xe máy. Vay không có thế chấp, đảm bảo về tài sản. Quá trình vay, bên ông H có thanh toán được cho Ngân hàng được một phần nợ gốc và lãi. Sau đó, ông H không thực hiện việc thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở. Tính đến ngày 06/6/2019, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 15.661.246đ (trong đó nợ gốc là 7.680.000đ; nợ lãi trong hạn là 7.981.246đ). Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, buộc ông H phải thanh toán toàn bộ số tiền vay 15.661.246đ gồm nợ gốc 7.680.000đ, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 06/6/2019 là 7.981.246đ và khoản lãi trong hạn kể từ ngày 07/6/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD ngày 12/9/2006 đã ký cho đến khi ông H thanh toán xong số nợ gốc cho Ngân hàng. Đối với các khoản lãi, phí phát sinh khác theo như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD ngày 12/9/2006, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V không yêu cầu Tòa án xem xét, buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai ban đầu ở hồ sơ vụ án, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V có yêu cầu bà Võ Thị Cẩm H – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án phải cùng ông H có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho Ngân hàng, vì số nợ trên ông H là người trực tiếp ký và vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện C chứ bà H không tham gia ký vào hợp đồng do đó Ngân hàng xin rút nội dung yêu cầu trên, không yêu cầu bà H trả số nợ vay trên cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm H nhưng ông H, bà H vẫn vắng mặt, không đến Tòa để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, niêm yết để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Hội đồng xét xử xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, cấp tông đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V– Khu công nghiệp S, chi nhánh huyện C, tỉnh Khánh Hòa với ông Nguyễn Văn H được ký kết vào ngày 12/09/2006 trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết theo Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Riêng phần tính lãi suất sẽ áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Khu công nghiệp S, chi nhánh huyện C với bị đơn ông Nguyễn Văn H có thỏa thuận cùng nhau ký kết Hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD ngày 12/9/2006, các bên đã tuân thủ các quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015 khi giao kết nên hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến các kỳ hạn trả nợ theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng nhiều lần làm việc, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm gồm tiền nợ gốc 7.680.000đ, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 06/6/2019 là 7.981.246đ, tổng cộng 15.661.246đ là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng, Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo (ngày 07/6/2019), bị đơn ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trong hạn đối với khoản tiền nợ gốc nói trên cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V theo mức lãi suất thỏa thuận tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD ngày 12/9/2006 mà hai bên đã ký (theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V không yêu cầu bị đơn ông H phải thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh khác theo như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD ngày 12/9/2006 và rút yêu cầu không buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm H cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ với bị đơn ông H do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các nội dung trên.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể: $15.661.246đ \times 5\% = 783.062đ$. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 463 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 26 Nghị quyết số 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V tổng cộng số tiền 15.661.246đ (mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) gồm nợ gốc là 7.680.000đ, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 06/6/2019 là 7.981.246đ và khoản lãi trong hạn kể từ ngày 07/6/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 6230102/HĐTD ngày 12/9/2006 đã ký cho đến khi ông H thanh toán xong số nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải nộp 783.062đ (bảy trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V 380.000đ (ba trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002398 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D - tỉnh Khánh Hòa.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện D
- THADS huyện D
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Lệ